TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2017
V/v "tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

2. Ông Lý Đạt Thành.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2017 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 20/7/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Trần Thị Bích T**, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bình Thành, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh **Phạm Văn Hoài T**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Bình Thành, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 01/5/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Bích T trình bày: tôi và anh Phạm Văn Hoài T tiến đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn ngày 18/5/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ, con. Vì muốn lo cho tương lai của con sau này nên tôi và anh T đi Sài Gòn làm thuê. Tuy nhiên, khi lên Sài Gòn thì anh T vẫn không lo làm ăn và không có trách nhiệm với vợ và con. Mặc dù tôi đã nhiều lần góp ý để anh T sửa chữa bản thân nhưng anh vẫn không thay đổi. Đến cuối năm 2014, mâu thuẫn

vợ chồng càng trầm trọng thêm, nên anh T bỏ về quê sinh sống. Từ đó tôi với anh T sống ly thân cho đến nay.

Thời gian chung sống, tôi với anh T có 01 con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 09/7/2012. Hiện tại cháu T đang sống chung với anh T. Sau khi ly hôn, tôi đồng ý giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về phía bị đơn anh Phạm Văn Hoài T: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh T đến lần thứ hai nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn Hoài T có địa chỉ tại ấp Bình Thành, xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn Hoài T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về nội dung: chị Trần Thị Bích T với anh Phạm Văn Hoài T chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 31/KH, quyển số 01/2012, ngày 18/5/2012. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét, yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bích T: chị T với anh T chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2014 xảy ra mâu thuẫn, do anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ, con nên chị T với anh T thường xuyên cự cãi nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay. Về phía anh T, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, tạo điều kiện cho anh hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T nhưng anh T không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, giáo dục con chung. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bích T.

[4] Về quan hệ con chung: chị T với anh T con 01 chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 09/7/2012. Chị T đồng ý giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T đang sống chung với anh T, cuộc sống của cháu đã ổn định, thích nghi với môi trường sống hiện tại. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu T, nên cần giao cháu T cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tại đơn khởi kiện, chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị T đối với cháu T, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 700.000 đồng, đến khi cháu T đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Vì lợi ích của con, khi cần thiết thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[6] Do chị Trần Thị Bích T yêu cầu giải quyết ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích T.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Bích T được ly hôn với anh Phạm Văn Hoài T.

- Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Phạm Thanh T, sinh ngày 09/7/2012.

+ Giao cháu Phạm Thanh T cho anh Phạm Văn Hoài T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện cháu T đang sống chung với anh T).

+ Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Trần Thị Bích T đối với cháu Phạm Thanh T, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày 31/7/2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Chị Trần Thị Bích T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: ghi nhận chị Trần Thị Bích T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị T và

anh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ 300.000 đồng T tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003214 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, như vậy chị Trần Thị Bích T còn phải nộp 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em